

**BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT HỌC KỲ III. NĂM HỌC 2017 - 2018**  
**LỚP TC.VSL 16**

| STT | Họ và tên       |       | Năm sinh   | 7<br>B-Q-M | 6<br>TBHTL | 6<br>HTMLDD | 3<br>GCHTO | 22<br>TB | Xếp loại học lực | Xếp loại rèn luyện | Ghi chú |
|-----|-----------------|-------|------------|------------|------------|-------------|------------|----------|------------------|--------------------|---------|
| 1   | Thái Chí        | Cương | 20/01/1994 | 8.2        | 8.8        | 7.9         | 7.4        | 8.2      | Giỏi             | Xuất sắc           |         |
| 2   | Nguyễn Khánh    | Duy   | 05/11/1996 | 5.7        | 3.1        | 0.0         | 0.0        | 2.7      | Kém              | Yếu                | *       |
| 3   | Nguyễn Văn      | Duyên | 24/7/2000  | 6.8        | 6.6        | 6.5         | 7.9        | 6.8      | TB Khá           | Trung bình         |         |
| 4   | Trần Trường     | Giăng | 18/4/1999  | 7.8        | 5.8        | 7.5         | 7.1        | 7.1      | Khá              | Tốt                |         |
| 5   | Dương Hữu       | Hậu   | 27/11/2001 | 5.8        | 6.1        | 7.4         | 5.0        | 6.2      | TB Khá           | Khá                |         |
| 6   | Nhan Trung      | Hiền  | 20/10/1997 | 6.8        | 6.1        | 6.3         | 5.0        | 6.2      | TB Khá           | Trung bình         |         |
| 7   | Trần Văn        | Hiệp  | 11/02/1996 | 8.2        | 8.5        | 8.2         | 8.1        | 8.3      | Giỏi             | Xuất sắc           |         |
| 8   | Dương Minh      | Khang | 21/8/1998  | 7.4        | 6.6        | 7.9         | 6.4        | 7.2      | Khá              | Tốt                |         |
| 9   | Danh            | Khên  | 18/4/1998  | 8.0        | 6.5        | 7.6         | 6.5        | 7.3      | Khá              | Tốt                |         |
| 10  | Bùi Phi         | Long  | 27/5/2000  | 6.0        | 5.5        | 5.9         | 5.0        | 5.7      | Trung Bình       | Trung bình         |         |
| 11  | Lý Huỳnh Hữu    | Luân  | 10/7/2000  | 5.0        | 1.1        | 0.0         | 0.0        | 1.9      | Kém              | Yếu                | *       |
| 12  | Quách Hoài      | Nam   | 30/04/2001 | 7.8        | 7.3        | 7.0         | 7.4        | 7.4      | Khá              | Khá                |         |
| 13  | Nguyễn Văn      | Nhí   | 21/02/1998 | 6.2        | 5.6        | 6.6         | 5.0        | 6.0      | TB Khá           | Trung bình         |         |
| 14  | Huỳnh Tôn Hoàng | Quý   | 28/02/2001 | 0.0        | 0.0        | 0.0         | 0.0        | 0.0      | Kém              | Yếu                | *       |
| 15  | Nguyễn Chí      | Tài   | 09/4/2001  | 6.6        | 6.1        | 7.6         | 6.7        | 6.8      | TB Khá           | Khá                |         |
| 16  | Trần Văn        | Tài   | 12/6/1999  | 7.0        | 7.1        | 7.8         | 6.9        | 7.2      | Khá              | Tốt                |         |
| 17  | Âu Minh         | Toàn  | 06/10/1998 | 5.2        | 0.0        | 0.0         | 0.0        | 1.7      | Kém              | Yếu                | *       |

Chú ý: (\*) học sinh có ít nhất 01 môn thi lại trong học kỳ không được xét khen thưởng

|                  |       |       |       |
|------------------|-------|-------|-------|
| Kết quả học tập: | 17 hs |       |       |
| Xuất sắc         | 0 hs  | Chiếm | 0.0%  |
| Giỏi             | 2 hs  | Chiếm | 11.8% |
| Khá              | 5 hs  | Chiếm | 29.4% |
| Trung bình khá   | 5 hs  | Chiếm | 29.4% |
| Trung bình       | 1 hs  | Chiếm | 5.9%  |
| Yếu              | 0 hs  | Chiếm | 0.0%  |
| Kém              | 4 hs  | Chiếm | 23.5% |

Người lập biểu

  
Vương Nguyệt

Bạc Liêu, ngày 16 tháng 4 năm 2018

Phòng Đào Tạo

  
Phạm Văn Anh